

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/DS-ST

Ngày: 31 - 3 - 2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
cấp tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Điệp

Bà Lê Thị Kim Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Ông Trần Huỳnh Đức Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 416/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng cấp tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D- Chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê T- Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng thương mại cổ phần S-C. (Theo giấy uỷ quyền ngày 25/12/2023).

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà Trần Tú Q, Chuyên viên quản lý tín dụng và kiểm soát rủi ro.

Địa chỉ liên lạc: 112A khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Theo giấy uỷ quyền ngày 08/10/2024)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp V, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2024 và các lời khai của nguyên đơn do bà Trần Tú Q đại diện trình bày:

Ngày 15/12/2022, Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng TMCP S) có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và phiếu cấp mã QR xem biểu phí, điều khoản, điều kiện phát hành và hướng dẫn sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Căn cứ thu nhập của bà T1, Ngân hàng TMCP S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 200.000.000đ cho bà Nguyễn Thị T1 với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T1 thực hiện các giao dịch và được cấp tổng số tiền 291.387.985 đồng.

Kể từ khi sử dụng và kích hoạt thẻ tín dụng từ ngày 15/12/2022 đến ngày 15/9/2023 bà Nguyễn Thị T1 đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 120.995.577 đồng.

Từ ngày 15/9/2023 đến nay, bà T1 không tiếp tục thanh toán tiền gốc lãi cho Ngân hàng TMCP S nên đã vi phạm Điều 13 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số tiền nợ của bà T1 thành nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm thanh toán tiền nợ gốc lãi là 363.473.585 đồng; trong đó: nợ gốc là 201.557.305 đồng, nợ lãi là 153.444.431 đồng, nợ phí trễ hạn là 7.105.608 đồng và phí vượt hạn mức là 1.366.241 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt, không đến Toà án cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T1 có trách nhiệm thanh toán nợ gốc lãi và phí theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do bà Trần Tú Q đại diện vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Q và bà T1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai của nguyên đơn nên có đủ cơ sở xác định: Giữa **Ngân hàng TMCP S** và bà Nguyễn Thị T1 có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và phiếu cấp mã QR xem biểu phí, điều khoản, điều kiện phát hành và hướng dẫn sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Nội dung hợp đồng thể hiện **Ngân hàng TMCP S** đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 200.000.000đ cho bà Nguyễn Thị T1 với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T1 thực hiện các giao dịch và được cấp tổng số tiền 291.387.985đ.

Từ ngày 15/9/2023, bà T1 không tiếp tục thanh toán tiền gốc lãi cho **Ngân hàng TMCP S** nên đã vi phạm Điều 13 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số tiền nợ của bà T1 thành nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc lãi theo thỏa thuận với **Ngân hàng TMCP S** là vi hợp đồng cấp tín dụng đã ký kết, do đó **Ngân hàng TMCP S** khởi kiện yêu cầu bà T1 có trách nhiệm thanh toán tiền gốc, tiền lãi tiền phí nêu trên là có căn cứ, phù hợp với nội dung hợp đồng đã ký kết nên được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bà T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng TMCP S** tiền nợ tổng cộng là 363.473.585 đồng; trong đó: nợ gốc là 201.557.305 đồng, nợ lãi là 153.444.431 đồng, nợ phí trễ hạn là 7.105.608 đồng và phí vượt hạn mức là 1.366.241 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

[3] Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay được áp dụng theo Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao để tính lãi chậm trả. Do đó, bà T1 phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận của hợp đồng cấp tín dụng ngày 15/12/2022 đến khi thanh toán xong nợ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán là 18.173.679 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng cấp tín dụng”.

Xử buộc bà Nguyễn Thị T1 phải thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần S** số tiền tổng cộng là 363.473.585 đồng (Ba trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm tám mươi lăm đồng); trong đó: nợ gốc là 201.557.305 đồng, nợ lãi là 153.444.431 đồng, nợ phí trễ hạn là 7.105.608 đồng và phí vượt hạn mức là 1.366.241 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng cấp tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của bên cho vay.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.173.679 đồng (Mười tám triệu một trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi chín đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.280.000đ (Sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0022422 ngày 28/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS huyện Nhơn Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Lâm